

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/DS-PT

Ngày: 11/11/2021

“V/v tranh chấp phường hội”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu T

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị H, bà Thái Thị Hồng V

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Lệ H - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 11/11/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2021/TLPT-DS ngày 16/3/2021 về “Tranh chấp về phường hội”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 06/10/2020 của Tòa án Nhân dân huyện C, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 117/2021/QĐ-PT ngày 05/10/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Ng, sinh năm 1961. Địa chỉ: xóm Mậu 1 (nay là xóm L Mậu 1), xã C, huyện c, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà H Thị X, sinh năm 1963. Địa chỉ: xóm Mậu 3 (nay là xóm L Mậu 1), xã C, huyện c, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, sinh năm 1964. Địa chỉ: xóm Mậu 6 (nay là xóm L Mậu 3), xã C, huyện c, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

+ Bà Lê Thị S, sinh năm 1980. Địa chỉ: xóm Mậu 6 (nay là xóm c), xã C, huyện c, tỉnh Nghệ An. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam c – Bộ Công an. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc H. Địa chỉ: tổ 3, khối 8, C, tHnh V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

+ Bà Trần Thị Hồng L, sinh năm 1987. Địa chỉ: xóm Mậu 4 (nay là xóm L Mậu 2), xã Kim L, huyện C, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

+ Bà Trương Thị Kim Th, sinh năm 1960. Địa chỉ: xóm Mậu 4 (nay là xóm L Mậu 2), xã Kim L, huyện C, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người kháng cáo: bị đơn bà H Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/02/2017, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Đặng Thị Ngtrình bày: trong năm 2012, bà Đặng Thị Ng có tham gia 06 dây phường do bà H Thị X làm chủ phường. Số tiền phường nguyên đơn đã nộp là 151.000.000 đồng; đã thỏa thuận chuyển sang lấy nợ ở ông Nguyễn Văn Quang là 78.875.000 đồng nên số tiền còn lại đã nộp là 72.125.000 đồng; số tiền lãi đã nhận: 24.800.000 đồng; bà H Thị X đã trả nợ 03 đợt được số tiền là 3.910.000 đồng. Số tiền thực nguyên đơn đã nộp mà chưa nhận tại phường do bà H Thị X làm chủ phường sau khi cân đối là 43.415.000 đồng. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà H Thị X thanh toán số tiền phường còn nợ là 43.415.000 đồng, không tính lãi suất.

Bị đơn bà H Thị X trình bày: từ năm 2011 đến năm 2013, bà đứng ra tHnh lập một số dây phường và làm chủ phường với mục đích là tự nguyện góp tiền giúp đỡ nhau phát triển kinh tế gia đình. Chủ phường được trích hoa hồng để chi phí tiền điện, nước, sổ sách. Bà H Thị X thừa nhận bà Đặng Thị Ng tham gia 06 dây phường do bà X làm chủ phường và số tiền các dây phường còn nợ bà Đặng Thị Ng là 43.415.000 đồng. Tuy nhiên, trách nhiệm trả nợ là của phường, bà X không có nghĩa vụ trả nợ. Bà X đề nghị đưa các tHnh viên đã nhận phường không tiếp tục đóng phường vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan trong vụ án gồm bà Lê Thị S, bà Trần Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Trương Thị Kim Th, bà Đặng Thị Kim Dung, bà Châu Thị Hồng để những người này có trách nhiệm trả nợ. Đồng thời bị đơn yêu cầu triệu tập 39 tHnh viên tham gia phường nhưng chưa được nhận phường tham gia tố tụng để các tHnh viên đã nhận tiền có trách nhiệm trả nợ cho những người này.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan, gồm: bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, bà Lê Thị S, bà Trần Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Trương Thị Kim Th thừa nhận có tham gia chơi phường do bà H Thị X làm chủ phường; thời gian, hình thức chơi phường, quyền và nghĩa vụ của chủ phường đúng như bà X trình

Căn cứ vào Điều 121, 122, 123, khoản 1 Điều 302, Điều 304, 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 4, 5, 6, 7, 8, 15, 17, 24, 25, 26, 27, 28, 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phườg; Điều 147 Bộ luật tổ tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án dân sự và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H Thi X giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến Hành tố tụng, người tham gia tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa. Người tham gia tố tụng đã chấp Hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những tHnh viên tham gia các dây phườg, ông Bình vào tham gia tổ tụng để làm rõ nội dung

thể hiện tại các biên bản họp tHnh lập các dây phường, cũng như các tHnh viên phường có thỏa thuận với nhau về việc nếu có tHnh viên không nộp tiền phường thì chủ phường phải có trách nhiệm nộp thay tiền phường cho tHnh viên còn lại chưa mua được phường hay không là chưa đầy đủ và bản án sơ thẩm nhận định bà X vi phạm nghĩa vụ thu tiền phường chứ không phải có nghĩa vụ nộp thay tiền phường, nhưng lại buộc bà X phải thanh toán tiền phường còn thiếu cho bà Ng là không phù hợp. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bà H Thị X, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: những người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, bà Trần Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Trương Thị Kim Th đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do; bà Lê Thị S đã được Tòa án triệu tập họp lệ, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2, 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà H Thị X, thấy:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như cấp phúc thẩm, bà Đặng Thị Ng và bà H Thị X đều thừa nhận: Năm 2012, bà Đặng Thị Ng tham gia 06 dây phường do bà H Thị X làm chủ phường. Tổng cộng bà Ng đã nộp tiền của 06 dây phường cho chủ phường bà H Thị X là 151.000.000 đồng. Bà Ng và Bà X đã thỏa thuận bà X chuyển sang lấy nợ ở ông Nguyễn Văn Quang là 78.875.000 đồng; bà Ng đã nhận tiền lãi tại bà X là 24.800.000 đồng. Sau khi dùng phường bà X đã trả cho bà Ng 3 đợt được số tiền là 3.910.000 đồng. Số tiền phường bà Ng đã nộp nhưng chưa nhận tại phường do bà X làm chủ là 43.415.000 đồng.

[2.2] Bà H Thị X cho rằng số tiền 43.415.000 đồng bà Ng chưa nhận được là do các dây phường nợ và trách nhiệm trả nợ cho bà Ng là của phường, bà không có nghĩa vụ trả nợ cho bà Ng. Bà X yêu cầu đưa những người đã nhận tiền phường nhưng không tiếp tục đóng tiền phường nữa là các bà Lê Thị S, bà Trần Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Trương Thị Kim Th, bà

Đặng Thị Kim Dung, bà Châu Thị Hồng vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để buộc họ có trách nhiệm trả nợ cho bà Ng. Đồng thời yêu cầu triệu tập 39 thành viên tham gia phường nhưng chưa được nhận phường tham gia tố tụng để các thành viên đã nhận tiền có trách nhiệm trả nợ cho những người này.

[2.3] Thấy rằng: Theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ (Gọi Nghị định 144) thì “Chủ hộ là người tổ chức hộ, thu các phần hộ và giao các phần hộ đó cho các thành viên được lĩnh hộ trong mỗi kỳ mở hộ cho đến khi kết thúc hộ”. Các dây phường do bà X làm chủ là phường (Hộ) có lãi, phường (Hộ) hưởng hoa hồng (Bà X được hưởng 1% hoa hồng). Theo quy định tại Điều 24 Nghị định 144 thì “Chủ hộ có trách nhiệm thu phần hộ của các thành viên góp hộ để giao cho thành viên được lĩnh hộ”. Bà X có quyền được hưởng 1% số tiền lãi mà người mua được phường trả và có nghĩa vụ thu tiền phường của các thành viên chơi phường để trả cho người trúng phường. Tại các biên bản họp phường đều xác định: *“Chủ phường phải chịu trách nhiệm đối với mọi thành viên tham gia và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với mọi sự thất thoát”*. Sau khi dừng phường, bà X đã tổ chức họp phường. Tại biên bản họp phường ngày 08/8/2013 các thành viên tham gia phường và chủ phường bà H Thị X đã thống nhất nội dung: *“...Yêu cầu hai vợ chồng trùm phường phải ký nhận và chịu trách nhiệm trả lại cho các con phường”*. Sau khi dừng phường, bà X cũng đã dùng tài sản của mình, vay mượn cũng như yêu cầu các thành viên phường bỏ trốn trả tiền để thanh toán cho các con phường, trong đó thanh toán cho bà Ng số tiền 3.910.000 đồng và đề nghị khi nào thu được tiền phường từ các thành viên phường đã nhận tiền thì sẽ thanh toán cho các thành viên chưa nhận phường. Mặt khác, các thành viên trong các dây phường do bà X làm chủ không hoàn toàn quen biết nhau, bà Ng không thỏa thuận, không có giao dịch với các thành viên phường khác mà chỉ thông qua bà X để nộp và nhận tiền phường. Sau khi dừng phường họ đã chốt nợ tiền phường với bà X. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H Thị X phải trả cho bà Đặng Thị Ng số tiền phường 43.415.000 đồng là có căn cứ.

[2.4] Đối với việc đề nghị đưa tất cả các thành viên tham gia phường vào tham gia tố tụng của bà Đặng Thị Ng và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa. Thấy rằng, các dây phường do bà X làm chủ có nhiều người tham gia; những người đã nhận phường gồm các bà Nh, S, H, L, Th cũng đã xác định còn nợ bà X tiền phường. Tại các biên bản họp phường mặc dù chỉ mình bà X ký tên nhưng bà X đã thừa nhận trách nhiệm của chủ phường trong các biên bản họp phường; ông Nguyễn Văn Bình (chồng bà X) cũng thừa nhận nội dung trong Biên

2.2. Hoàn trả lại cho bà Đặng Thị Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.700.000 đồng (*Một triệu bảy trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003382, ngày 04/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hình án của người được thi Hình án cho đến khi thi Hình án xong, bên phải thi Hình án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hình án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án quyết định được thi Hình theo quy định tại điều 2 Luật thi Hình dân sự, thì người được thi Hình án, người phải thi Hình án có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án, hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại điều các 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi Hình án dân sự; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi Hình án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND, TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện c;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu T

